

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; Các quy định khác của pháp luật Việt Nam liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần;

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 năm 2021 thay thế Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản bổ sung, sửa đổi;

c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;

d. "Cán bộ quản lý" là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

f. "Đại diện theo ủy quyền" là cá nhân được cổ đông, tổ chức ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

g. "Pháp luật về Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

h. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015; bổ sung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 của Quốc hội ngày 18 tháng 06 năm 2020

i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

j. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

k. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn vật liệu thiết bị điện và thiết bị viễn thông	4652
2	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý kỹ thuật vật liệu thiết bị điện và thiết bị viễn thông	4610
3	Xây dựng nhà để ô	4101
4	Xây dựng nhà không để ở	4102
5	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
6	Xây dựng công trình đường sắt	4211
7	Xây dựng công trình đường bộ	4212
8	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra, thử nghiệm thiết bị điện, trạm điện và đường dây; Kiểm định, thử nghiệm máy móc, các thiết bị điện, dụng cụ điện, dụng cụ an toàn (chỉ hoạt động khi có đủ	7120

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty đăng ký là:

Điều 3. Ngành, nghề kinh doanh

Email: pecjcdn@gmail.com

Điện thoại:

TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2- Địa chỉ trụ sở chính : 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP5, phường Bửu Long,

Tên viết tắt: PECJC

Tên bằng tiếng nước ngoài: POWER ENGINEERING DESIGNING AND CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

1-Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẬP BIÊN

Điều 2. Tên, địa chỉ Công ty

TÊN, TRÚ SỞ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CON DẠU DOANH NGHIỆP

Chương II

4. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ;

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản, quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của nó và bản đi.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc Công ty.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

2. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành, thông báo và được cơ quan đăng ký kinh doanh đồng ý bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng tải trên hệ thống BKRD quốc gia dangkykinhdoanh.gov.vn.

	điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	
9	Xây dựng công trình điện	4221
10	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu Chỉ tiết: Dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm các phương tiện đo, dụng cụ điện, dụng cụ an toàn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	7490
11	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
12	Xây dựng công trình công ích khác	4229
13	Xây dựng công trình thủy	4291
14	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
15	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
16	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
17	Phá dỡ	4311
18	Chuẩn bị mặt bằng	4312
19	Lắp đặt hệ thống điện (Trừ xi măng, gia công cơ khí)	4321
20	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ xi măng, gia công cơ khí)	4322
21	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ xi măng, gia công cơ khí)	4329
22	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
23	Hoạt động xây dựng chuyên dùng khác	4390
24	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	7110 (Chính)

Số	Tên cổ đông	Số lượng	Giá trị	Vốn góp			Thời điểm góp vốn
				Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Phổ thông	
1	Công ty TNHH một thành viên Điện lực Đồng Nai	21.600	2.160.000.000đ				
2	Công ty Cổ phần điện cơ Đồng Nai	6.750	675.000.000đ				
3	Bà Vũ Thị Bê	5.875	587.500.000đ				

Các cổ đông sáng lập góp vốn cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ của công ty là: 7.500.000.000đ (Bảy tỷ năm trăm triệu đồng Việt Nam)
- Số vốn này được chia thành: 75.000 cổ phần (Bảy mươi lăm nghìn cổ phần)
- Mệnh giá mỗi cổ phần: 100.000VNĐ (Một trăm nghìn đồng Việt Nam)
- Trong đó: Cổ phần phổ thông: 75.000 cổ phần (Bảy mươi lăm nghìn cổ phần), trị giá: 7.500.000.000 VNĐ (Bảy tỷ năm trăm triệu đồng);

Điều 6. Vốn điều lệ

VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ ĐÔNG

Chương III

Điều 5. Quy định về con dấu công ty

Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Con dấu công ty được thể hiện là hình tròn, mực sử dụng màu đỏ, đường kính 34 mm. Hình dấu có hai chi: Chi ngoài là hai đường tròn sát nhau, đường tròn phía ngoài nét đậm, đường tròn phía trong nét nhỏ; chi trong là một đường tròn nét; 2 chi cách nhau 5 mm.

Nội dung con dấu Công ty thể hiện những thông tin sau đây: Tên doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp, Thành phố, Tỉnh.

Công ty chỉ có 1 (một) con dấu doanh nghiệp.

Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu giao cho người đại diện theo pháp luật của công ty.

Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty được sử dụng chung con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

(d) Sau khi cổ phần được thanh toán đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này các đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông công ty.

(c) Cổ phần coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua cổ phần quy định tại khoản 2 điều 122 của luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ

định;

- Thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết

về chương khoản cơ quy định khác.

chào bán cho cổ đông từ trường hợp Đại hội cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã phần được quyền chào bán số cổ phần còn lại do cho cổ đông của Công ty hoặc người nhân chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ - Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người

- Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần cho người khác;

Doanh nghiệp;

- Nội dung thông báo theo quy định của Điểm b, Khoản 2, Điều 124 của Luật

nhật 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký cổ phần;

- Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong số đăng ký cổ đông chậm

thực hiện như sau:

Cổ phần phổ thông do công ty phát hành thêm để tăng vốn điều lệ được chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần phổ thông hiện có của họ tại Công ty. Quy trình

2. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

c) Chào bán cổ phần riêng lẻ;

b) Chào bán ra công chúng;

a) Chào bán cho cổ đông hiện hữu;

bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau:

1. Chào bán cổ phần Cổ phần có quyền chào bán là số cổ phần Công ty được phát hành nhằm đảm bảo vốn điều lệ đã đăng ký, và số cổ phần mua lại của Công ty. Chào

Điều 9. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

cổ phần theo quy định của pháp luật và của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể phát hành thêm các loại

phần phổ thông.

1. Vào thời điểm đăng ký kinh doanh, Công ty có một loại cổ phần duy nhất là cổ

Điều 8. Cổ phần

Tuy thuộc vào tính hình hoạt động, Công ty có thể huy động các loại vốn khác theo các quy định của pháp luật và phù hợp với các quy định trong Điều lệ này.

Điều 7. Vốn vay và các loại vốn khác

Vốn điều lệ có thể tăng hoặc giảm do yêu cầu tình hình hoạt động của công ty và do quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4	Vốn người lao	40.775	4.077.500.000đ				
---	---------------	--------	----------------	--	--	--	--

thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2, điều 122 của luật doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông trong công ty .

3. Bàn cổ phần

Hội đồng quản trị có quyền quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất từ các trường hợp sau đây:

- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b) Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty. c) Cổ phần chào bán cho người mới giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu và tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

4. Chuyển nhượng cổ phần

a) Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán đối với các cổ phiếu niêm yết. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

b) Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông công ty.

c) Trường hợp cổ phần của cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị trút quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

d) Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này người được tặng cho hoặc được trả nợ bằng số cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

e. Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác.

f. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại khoản 4 điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ được quy định tại khoản 2, Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của công ty.

Điều 10. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và Khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các Khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam hoặc bằng chuyển Khoản hoặc theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

Có tức được thanh toán bằng chuyển khoản khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của công đồng để chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của công đồng. Nếu Công ty đã chuyển các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của công đồng thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách công đồng được nhân công đồng xác định mức công được trả đối với từng công phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả công tức. Thông báo về trả công tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ đăng ký tất cả công đồng chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả công tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công đồng là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số đăng ký kinh doanh của công đồng là tổ chức; số lượng công phần từng loại của công đồng; mức công tức đối với từng công phần và tổng số công tức mà công đồng đó được nhân, thời điểm và phương thức trả công tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Trường hợp công đồng chuyển nhượng công phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách công đồng và thời điểm trả công tức thì người chuyển nhượng là người nhân công tức từ Công ty.

Điều 11. Thu hồi công phần, tiền thanh toán công phần mua lại hoặc công tức.

Trường hợp việc thanh toán công phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 điều 134 của Luật Doanh Nghiệp hoặc trả công tức trái với quy định tại điều 135 luật doanh nghiệp thì các công đồng phải trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp công đồng không hoàn trả lại cho Công ty thì các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho công đồng mà chưa được hoàn lại. Cụ thể như sau:

1. Trường hợp công đồng không thanh toán đầy đủ và dùng hạn số tiền phải trả mua công phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu công đồng thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên Khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số công phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các Khoản phải nộp, các Khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số công phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các công phần bị thu hồi.
4. Công phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tài sản phải hoặc giải quyết cho người đã sở hữu công phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Công đồng nắm giữ công phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách công đồng đối với những công phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các Khoản tiền có liên quan công với tiền lãi vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có thể miễn việc công đồng thanh toán bộ giá trị công phần vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông

6. Công ty có thể phạt hành cô phần ghi danh không theo hình thức chứng chi. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cô phần ghi danh (theo hình thức chứng chi hoặc không chứng chi) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chi và chuyển nhượng cô phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

5. Công ty có thể phạt hành cô phần ghi danh không theo hình thức chứng chi. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cô phần ghi danh (theo hình thức chứng chi hoặc không chứng chi) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chi và chuyển nhượng cô phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Đôi với cô phần có tông mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận để nghị cấp cô phần mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cô phần đang thông báo về việc cô phần bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cô phần mới.

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cô phần mới.

a) Thông tin về cô phần đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

3. Trường hợp cô phần bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cô phần do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

h) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cô phần của cô phần ưu đãi.

e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty (nếu có);

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cô đông là cả nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cô đông là tổ chức;

c) Mệnh giá mới cô phần và tông mệnh giá số cô phần ghi trên cô phần;

b) Số lượng cô phần và loại cô phần;

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

1. Cô phần là chứng chi do công ty cô phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cô phần của công ty đó. Cô phần phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

Điều 12. Chứng chi cô phần và chứng chi chứng khoán khác

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cô phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.

6. Công ty có thể phạt hành cô phần ghi danh không theo hình thức chứng chi. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cô phần ghi danh (theo hình thức chứng chi hoặc không chứng chi) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chi và chuyển nhượng cô phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

5. Công ty có thể phạt hành cô phần ghi danh không theo hình thức chứng chi. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cô phần ghi danh (theo hình thức chứng chi hoặc không chứng chi) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chi và chuyển nhượng cô phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Đôi với cô phần có tông mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận để nghị cấp cô phần mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cô phần đang thông báo về việc cô phần bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cô phần mới.

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cô phần mới.

a) Thông tin về cô phần đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

3. Trường hợp cô phần bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cô phần do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

h) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cô phần của cô phần ưu đãi.

e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty (nếu có);

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cô đông là cả nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cô đông là tổ chức;

c) Mệnh giá mới cô phần và tông mệnh giá số cô phần ghi trên cô phần;

b) Số lượng cô phần và loại cô phần;

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

1. Cô phần là chứng chi do công ty cô phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cô phần của công ty đó. Cô phần phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Chương IV

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, BIỂU HẠNH, KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của công ty

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;

4. Ban Giám đốc;

5. Các phòng chức năng;

6. Đội thi công các công trình điện.

Điều 15. Cổ đông

1. Cổ đông của Công ty là pháp nhân, cá nhân sở hữu 01 hoặc một số cổ phần của Công ty, không thuộc đối tượng được nêu tại Khoản 2, Điều 17 của Luật Doanh nghiệp. Tại thời điểm thành lập, số lượng cổ đông của Công ty tối thiểu là 03 cổ đông.

2. Người mua cổ phần của Công ty khi đã đồng ý số tiền đã cam kết mua cổ phần; người được thừa kế hợp pháp cổ phiếu hoặc được người có cổ phần trong Công ty cho, tặng hoặc được kế thừa do chuyển quyền do sắp nhập, hợp nhất, chuyển đổi pháp nhân, phải làm thủ tục chuyển đổi theo pháp luật và được ghi tên vào Sổ Đăng ký cổ đông của Công ty thì được công nhận là cổ đông của Công ty, kể từ thời điểm đó mới được thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được thực hiện theo điều 115 và 119 Luật Doanh nghiệp 2020.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức họp mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm họp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng, báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

d) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã hết mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

đ) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Thâm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát còn ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của Ban kiểm soát hoặc yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội cổ đông theo quy định thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm triệu tập và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, nhóm cổ đông có yêu cầu tổ chức Đại hội đồng cổ đông có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Trong tương hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi.

5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc nêu tại khoản 5, điều 140 Luật Doanh Nghiệp để tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

6. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

n) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết

Điều 17. Danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội

- định tại Khoản 2 Điều này nêu có một trong các trường hợp sau đây:
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vẫn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. và ngay ngày họp Đại hội đồng cổ đông phải ghi rõ tên cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.
- Điều 18. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**
8. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đó chuyển nhượng.
 7. Quy định tại Khoản 5 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều này chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
- Người uỷ quyền đó chấm dứt việc uỷ quyền.
 - Người uỷ quyền đó chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- trường hợp sau đây:
6. Từ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều này, biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
 - Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc ban sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

đồng và người được uỷ quyền dự họp.

 - Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
 5. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - Thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị có thể quyết định trước kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, các cổ đông dự họp phải sở hữu số lượng cổ phiếu nhất định phù hợp với điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều này thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo

2. Thẻ thực hiện hành hợp đại hội đồng cổ đông

đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

- d) Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
- vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền tiến hành đại hội lần hai, trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc cổ đông lần thứ ba có thể được tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông họp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
- c) Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông tiến hành tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cần thiết trong vòng ba mươi phút kể
- b) Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể
- tổng số phiếu biểu quyết.
- a) Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50%

1. Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- b) Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết
- bộ trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
- Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được công
- đi một cách hợp lệ, được tra cứu phi hoặc được bỏ vào hòm thư).
- Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trực tiếp nhất với làm ngày
- trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển
- phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.
- Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể dừng trong
- chỉ thư điện tử đó.
- Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa
- chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa
- cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin.
- điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do
- đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu
- Đại với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội
- Đôi với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội
- đồng cổ đông được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên 01 tờ báo địa phương
- nơi Công ty đồng trụ sở chính.
- a) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông.

5. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

- và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bỏ sung vào chương trình
- định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy
- Văn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

a) Vào ngày tổ chức Đại hội đồng có đồng, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

b) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ứng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phần đổi nghị quyết được thu sau, cuối cùng đem tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ứng hộ, phần đổi từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu nhưng người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ toạ sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không qua ba người.

c) Cổ đông đến dự Đại hội đồng có đồng muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng có đồng do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng có đồng bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

e) Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng có đồng sẽ mang tính phân quyết cao nhất.

3. Chủ tọa Đại hội đồng có đồng có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhân thấy một trong các tình huống sau:

a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại

b) Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp

d) Khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng có đồng đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

e) Thời gian hoãn tới đa không quá ba ngày kể từ ngày khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng có đồng trái với quy định tại Khoản 3 Điều này, Đại hội đồng có đồng bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- e) Tỏ chức lại, giải thể Công ty.
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - a) Loại bỏ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
2. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ phần đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

6. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội. Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết nhưng biện pháp tổ chức theo Điều Khoản này.
- a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (địa điểm chính của đại hội);
 - b) Bỏ trí, tổ chức đề nghị hoặc cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều Khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
- Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết nhưng biện pháp tổ chức theo Điều Khoản này.
5. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (địa điểm chính của đại hội);
 - b) Bao đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c) Tảo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
4. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bao đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c) Tảo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nơi trên tham gia Đại hội.
3. Chủ toạ của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phân ánh được mong muốn của đa số tham dự.
 - g) Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nơi trên tham gia Đại hội.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật doanh nghiệp;

Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

6. Trường hợp quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán phải được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

5. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền bỏ phiếu dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

g) Lựa chọn Công ty kiểm toán;

h) Công ty mua lại hơn 10% cổ phần phát hành;

cổ đông.

f) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền lợi gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo qua ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng

e) Thông qua báo cáo tài chính đã qua kiểm toán hàng năm;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

b) Thông qua định hướng phát triển Công ty;

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

Kiểm thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua từng ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhân được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng, nhóm cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

Điều 23. Hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đang ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

4. Chủ toà và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

- Họ, tên, chữ ký của chủ toà và thư ký. Trường hợp chủ toà, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ toà, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- Các quyết định đã được thông qua;

- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

- Chủ toà và thư ký;

- Chương trình và nội dung cuộc họp;

- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

Yêu cầu sau đây:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

- Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần;
 - Có đơn xin từ chức với lý do hợp lý;
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Từ ý bỏ nhiệm sở, vi phạm quy chế và Điều lệ Công ty;
 - Khi bị Tòa án trực xuất ra khỏi lãnh thổ nước Việt Nam;
 - Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;
 - Cổ đông là pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
 - Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
- sau:
- a. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp
3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- a. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 2. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị
- lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
- nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn
- c) Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn
- đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
- b) Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- a) Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Cơ cấu, tiêu chuẩn, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chương V

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
1. Trình tự và thủ tục tập hợp và ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;

- Các quy định khác theo quy định của pháp luật.
- b. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, mọi trường hợp hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đều phải có ít nhất 3/5 thành viên đồng ý miễn nhiệm, bãi nhiệm và được ít nhất 65% tổng số phiếu cổ quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- c. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm qua 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm qua 1/3 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- Trong các trường hợp khác, tài cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- Điều 25. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị**
1. Nhiệm vụ và quyền hạn
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- d) Quyết định giao bán cổ phần và trả lại phiếu của công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2, điều 133 của Luật doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong tầm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật này;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý, cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Quyết định công trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
3. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cả nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phân đới thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
- Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị**
1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc công ty trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán không có quy định khác.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyền dùng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

- (đ) Hồ sơ công ty trong việc tuân thủ dùng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- (e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị của Công ty. Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
7. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt quá thời hạn 30 ngày không rõ lý do hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, hoặc trong trường hợp không có thành viên Hội đồng quản trị được chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức chủ tịch Hội đồng quản trị. Người này sẽ thay mặt chủ tịch thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến khi chủ tịch Hội đồng quản trị trở lại hoặc đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
8. Khi Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do gì, Hội đồng quản trị phải bầu người khác thay thế trong thời hạn ngắn nhất.
- Điều 27. Cuộc họp Hội đồng quản trị**
1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ Hội đồng quản trị tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.
3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết

- định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
10. Thành viên tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- Điều 28. Nghị quyết và Biên bản họp Hội đồng quản trị**
1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- d) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- b) Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của họ;
- a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và với người có liên quan của họ;

1. Các hợp đồng và giao dịch giữa Công ty hoặc chi nhánh với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua:

trị chấp thuận

Điều 32. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản

Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình ban chấp, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của

đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

3. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc

2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

Điều 31. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ khác do Giám đốc bổ nhiệm phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản, có thời hạn nhất định.

Người được ủy quyền, ủy nhiệm chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền, ủy nhiệm. Những người này phải trực tiếp chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những việc mình làm.

5. Giám đốc có thể ủy quyền, ủy nhiệm bằng văn bản cho Phó Giám đốc Công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền, ủy nhiệm của mình; trường hợp Phó Giám đốc vắng mặt thì Giám đốc có thể ủy quyền cho các thành viên khác trong bộ máy giúp việc theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Luật doanh nghiệp.

4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

- c) Các doanh nghiệp quy định tại khoản 2, Điều 164 Luật Doanh nghiệp, trong
2. Đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi
- Bao tài chính gần nhất của Công ty quy định tại Khoản 1 của Điều này thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết; hợp đồng và giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết còn lại đồng ý; trường hợp này Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị nội dung hợp đồng, giải trình và lấy ý kiến biểu quyết thông qua Đại hội đồng cổ đông.
3. Đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính nhất của Công ty quy định tại Khoản 1 của Điều này thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người liên quan là bên ký hợp đồng có quyền biểu quyết; trong trường hợp này, Giám đốc Công ty (hoặc người đại diện theo pháp luật) phải gửi dự thảo hợp đồng hoặc giao dịch dân sự đến các thành viên Hội đồng quản trị và phải niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty. Hội đồng quản trị phải có quyết định trong phạm vi 15 ngày, kể từ ngày niêm yết.
 4. Trường hợp hợp đồng quy định tại Khoản 2 và 3 của Điều này được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Nhưng người gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường thiệt hại phát sinh hoặc hoàn trả lại cho Công ty các khoản thu lợi từ các hợp đồng và giao dịch này
- Điều 33. Nghĩa vụ của người quản lý và cán bộ khác của Công ty**
- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ do Giám đốc bổ nhiệm có các nghĩa vụ sau:
1. Thực hiện các quyên và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 2. Thực hiện các quyên và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cần trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
 3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, làm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, có phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
 5. Khi Công ty không thanh toán đủ các Khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:
 - Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả các chủ nợ biết;
 - Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;
 - Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại Khoản này;
 - Kiên nghị các biện pháp khác phục khó khăn về tài chính của Công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ khác của Công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ mâu thuẫn lợi ích tiềm tàng nào mà họ có ở các pháp nhân, các giao dịch hay các cá nhân khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

- Chiu trách nhiệm về những thiệt hại, và bồi thường thiệt hại đối với Công ty do những hành vi vi phạm của mình hoặc do không hoàn thành nhiệm vụ dẫn đến thiệt hại.

- Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 34. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thủ lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thủ lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thủ lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương VII BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Thành phần, nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm vụ của Ban kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm vụ không hạn chế.

2. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm vụ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm vụ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát
- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Điều lệ công ty
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty
- Điều 36. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát**
1. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:
- a) Kiểm tra tình hình hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thông kê và lập báo cáo tài chính.
- b) Thẩm định tình hình đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo danh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- c) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- d) Xem xét số kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.
- e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
- f) Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- h) Khi phát hiện có thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc, hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại điều 165 của Luật này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khác phù hợp.

- It nhất 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị;

2. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

1. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để giải quyết những công việc đột xuất.

Điều 38. Chế độ họp của Ban kiểm soát

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

khác do công ty phát hành.

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu

quan trị;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng

kèm theo;

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu

phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo

Điều 37. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

Công ty.

5. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của

chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông

lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lương và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.

3. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các

1) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

k) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

j) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

i) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tài các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

- Giám đốc hoặc những người khác theo quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát quy định .
- 3. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại Khoản 2 Điều này, Trường Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường họp sau hai lần đề nghị kê tiếp mà Trường Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát thì Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát tiến hành cuộc họp quyết định bài nhiệm, miễn nhiệm chức danh Trường ban và bầu một thành viên khác của Ban kiểm soát làm Trường ban.
- 4. Thông báo chương trình họp Ban kiểm soát: thông báo họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát.
- 5. Số thành viên Ban kiểm soát tham dự yêu cầu: cuộc họp Ban kiểm soát có đủ điều kiện tiến hành khi có từ 2/3 số thành viên dự hoặc qua người thay thế là một trong số các thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền. Trường họp thành viên Ban kiểm soát vắng mặt, không tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 tháng mà không có lý do chính đáng thì thành viên đó sẽ bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát.

6. Biểu quyết:

a) Mọi thành viên tham dự họp Ban kiểm soát có quyền biểu quyết ngang nhau tại cuộc họp. Nếu thành viên Ban kiểm soát không tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác thực hiện quyền biểu quyết thay;

b) Thành viên Ban kiểm soát có liên quan đến vấn đề đưa ra, Ban kiểm soát quyết định thành viên đó sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời không được nhân ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;

c) Nếu có nghi ngờ nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tới Chủ tọa cuộc họp. Phân quyết của Chủ tọa có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi ban chặt hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

d) Ban kiểm soát có quyền thông qua các quyết định bằng việc tiến hành cuộc họp, bằng văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm soát, hoặc bằng hình thức qua thư tin, qua fax.

d) Thông qua quyết định của Ban kiểm soát tại cuộc họp: cuộc họp Ban kiểm soát có đủ điều kiện tiến hành khi có từ 2/3 số thành viên;

g) Thông qua quyết định của Ban kiểm soát bằng hình thức:

- Được sử dụng từ bảng văn bản của ít nhất 75% tổng số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết văn đề đưa ra xin ý kiến;

2. Cuối mỗi niên độ, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông; Báo cáo kê toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ; các báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày 31/12 của năm đó.

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 tròn hàng năm.

Điều 41. Năm tài chính

THÔNG KÊ, KÊ TOÁN, TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Chương X

2. Các Tổ chức chính trị, xã hội và Đoàn thể trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ hoạt động của tổ chức đó Công ty thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách cho cán bộ công nhân viên theo Thỏa ước lao động tập thể, theo quy định của Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến Pháp, pháp luật của nhà nước, Theo Điều lệ và các Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điều 40. Tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức đoàn thể trong Công ty

TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ

Chương IX

4. Trường hợp Trường ban kiểm soát vắng mặt thì ủy quyền cho thành viên khác, nếu mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì Ban kiểm soát có thể chỉ định một thành viên Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ của Trường ban.

3. Có quyền tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết.

- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

- Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

- Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban kiểm soát;

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động và phân công các thành viên của Ban kiểm soát;

2. Trường ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trường Ban kiểm soát.

Điều 39. Trường Ban kiểm soát

- Biên bản họp của Ban kiểm soát phải ghi đầy đủ vào sổ biên bản và được thông qua, với đầy đủ chữ ký của các thành viên Ban kiểm soát tham dự.

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát;

nghị quyết 2020 và các quy định khác của pháp luật.

a) Việc giải thể được quy định tại điều 207, 208, 209, 210, 211 của luật Doanh

4. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể doanh nghiệp

d khoản 1 Điều này cũng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong tình trạng giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:

1. Tổ chức lại Công ty: Trong trường hợp có biến động hoặc theo nhu cầu và tình hình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể thực hiện việc tổ chức lại theo các hình thức: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập chuyển đổi của Công ty phải thực hiện đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan. Việc tổ chức lại Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 43. Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ CÔNG TY

Chương XI

đồng quản trị.

d) Giám đốc thực hiện sử dụng các quỹ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Hội

c) Hội đồng quản trị quyết định sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế.

- Quỹ phúc lợi

- Quỹ khen thưởng

- Quỹ phát triển sản xuất

nhuận. Bao gồm:

b) Đại hội đồng cổ đông quyết định việc phân phối và trích lập các quỹ từ lợi

a) Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế một Khoản vào quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không vượt 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

đây:

2. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, công ty phải trích lập các quỹ sau

nộp.

- Lợi nhuận ròng: Lợi nhuận thuần trừ đi các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính phải

- Lợi nhuận thuần: Tổng thu nhập trừ tổng chi phí

1. Theo quy định về chế độ kế toán. Lợi nhuận của Công ty bao gồm:

Điều 42. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

thường niên.

Các bảng tổng kết này phải được gửi đến thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát ít nhất 10 ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông

b) Quyết định giải thể của doanh nghiệp được doanh nghiệp đăng báo trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.

Điều 44. Thanh lý Công ty

1. Tới thiểu sâu hàng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các Khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các Khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

- d. Các Khoản vay (nếu có);
- e. Các Khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các Khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 45. Phá sản Công ty

Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp

Chương XII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 46. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a. Cổ đông với Công ty; hoặc

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày yêu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp pháp luật có quy định khác với nội dung trong điều lệ này thì thực hiện các quy định của pháp luật.
1. Những vấn đề khác có liên quan không nêu trong điều lệ này thì được thực hiện theo luật doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

Điều 49. Nguyên tắc áp dụng điều lệ Công ty

HIỆU LỰC THI HÀNH

Chương XIV

2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này ở trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này ở trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết.
- Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
 - Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
 - Bảo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định đã được thông qua;
 - Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh; các giấy tờ khác được các cơ quan có thẩm quyền cấp;
 - Điều lệ Công ty; Quy chế quản lý nội bộ; Sổ đăng ký cổ đông;
1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau:

Điều 48. Chế độ lưu giữ tài liệu

3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty có phần tài cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền và phải trả phí.
2. Tóm tắt nội dung Báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.
1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan, đồng thời công bố trên nhất báo của địa phương hoặc một tờ báo trung ương trong vòng 3 số liên tiếp hoặc trên website của Công ty.

Điều 47. Công bố thông tin về Công ty

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Chương XIII

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án nhân dân sơ tài.

Điều 50. Thẻ thực sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty:

Mọi sửa đổi, bổ sung điều lệ không được trải với quy định hiện hành của Nhà nước, phải được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và sau khi đã đăng ký hoặc thông báo thay đổi điều lệ tại cơ quan đăng ký kinh doanh, lúc đó mới hợp lệ.

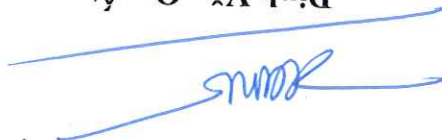
Điều 51. Điều khoản cuối cùng

Điều lệ này gồm 14 chương 51 điều đã được các cổ đông sáng lập công ty thông qua ngày 29 tháng 07 năm 2024, Điều lệ có giá trị thi hành kể từ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận EKD, Điều lệ gốc (Điều lệ chính thức) của Công ty được lưu tại cơ quan EKKD và trụ sở chính của Công ty. Người đại diện theo pháp luật và tất cả các cổ đông sáng lập Công ty cam kết nội dung điều lệ này là chính xác, trung thực và phù hợp với các quy định của pháp luật, nếu sai sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY

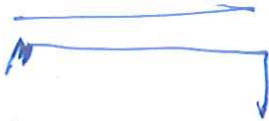
1. CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC CÔNG NAI

Đinh Văn Quyết



2. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ BÔNG NAI

Nguyễn Khương Minh



3. CỔ ĐÔNG CÁ THỂ

Vu Thị Bê



4. ĐẠI DIỆN CƠ ĐỒNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đoàn Thế Thiên



ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tuấn Khanh